

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Quy hoạch Phát triển vật liệu xây dựng
tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

*Căn cứ Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ về quản lý vật
liệu xây dựng;*

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch Phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, gồm những nội dung sau:

I. Quan điểm và mục tiêu

1. Quan điểm:

- Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng phải phù hợp với quy hoạch kinh tế - xã hội, quy hoạch các ngành của tỉnh, quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020, quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam. Phát triển bền vững, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan thiên nhiên, giữ gìn các di tích lịch sử, văn hóa, đảm bảo trật tự an toàn xã hội và bảo vệ an ninh quốc phòng.
- Phát triển đa dạng các chủng loại vật liệu xây dựng nhằm đáp ứng cơ bản nhu cầu xây dựng trong tỉnh, tập trung phát triển sản xuất một số chủng loại vật liệu xây dựng có lợi thế như: Xi măng, đá xây dựng. Chú trọng phát triển các loại vật liệu xây dựng mới có chất lượng và giá trị kinh tế cao.
- Khuyến khích các nhà đầu tư ở mọi thành phần kinh tế đầu tư các cơ sở sản xuất với công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiêu tốn năng lượng thấp để phát huy tối đa hiệu quả vốn đầu tư, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường sức cạnh tranh trên thị trường, từng bước loại bỏ các cơ sở sản xuất có công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường và hiệu quả kinh tế thấp.
- Phân bổ các cơ sở sản xuất gần vùng nguyên liệu, xa dân cư, tiện lợi về giao thông.

2. Mục tiêu và định hướng phát triển:

- Khai thác mọi tiềm năng thế mạnh của tỉnh, đặc biệt là nguồn tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng và nguồn lao động tại chỗ. Đổi mới công nghệ, đưa công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất vật liệu xây dựng để nâng cao chất lượng và sản lượng các loại vật liệu xây dựng làm thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng trên thị trường trong và ngoài tỉnh.

- Phát triển sản xuất vật liệu xây dựng nhằm gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp, góp phần tăng nguồn thu ngân sách và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa ngành sản xuất vật liệu xây dựng trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; đồng thời thu hút nhiều lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân, xây dựng Ninh Bình trở thành một tỉnh phát triển kinh tế bền vững là tỉnh phát triển khá của khu vực đồng bằng sông Hồng.

II. Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020

1. Xi măng:

1.1. Phương hướng phát triển sản xuất xi măng:

Thực hiện theo Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến 2030.

Về công nghệ: Đối với các nhà máy công suất dưới 2.500 tấn clinker/ ngày, khuyến khích nghiên cứu đầu tư hệ thống thiết bị tận dụng nhiệt khí thải để phát điện. Đến cuối năm 2015 hoàn thành chuyển đổi công nghệ sản xuất xi măng lò đứng.

Một số chỉ tiêu kỹ thuật cụ thể như sau: Tiêu hao nhiệt năng ≤ 730 kcal/kg clinker; tiêu hao điện năng ≤ 90 KWh/ tấn xi măng; nồng độ bụi phát thải ≤ 30 mg/Nm³.

1.2. Phương án cụ thể:

Đến 2015: Năng lực sản xuất xi măng của tỉnh là 11,86 triệu tấn/năm (trong đó: Giai đoạn 2011-2012 là 8,26 triệu tấn/năm; giai đoạn 2013-2015 là 11,86 triệu tấn/năm), cung cấp cho nhu cầu xi măng trong nước và xuất khẩu.

Đến 2020: Năng lực sản xuất xi măng của tỉnh tăng thêm 1,2 triệu tấn/năm, đưa tổng số xi măng sản xuất trong tỉnh lên 13,06 triệu tấn/năm.

Về nguyên liệu đá vôi cho các nhà máy xi măng:

- Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét cho thăm dò và cấp phép khai thác trong phạm vi đã được Chính phủ phê duyệt quy hoạch và khi cấp phép yêu cầu các doanh nghiệp trong quá trình khai thác phải sử dụng công nghệ hiện đại, khai thác theo chiều sâu để bảo vệ cảnh quan, môi trường tự nhiên, đảm bảo các chỉ tiêu về môi trường và tận thu tài nguyên khoáng sản.

- Đối với Nhà máy Xi măng Duyên Hà : Thực hiện theo Giấy phép số 578/GP-BTNMT ngày 26/4/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép khai thác đá vôi làm nguyên liệu xi măng, với diện tích 19,5ha.

- Đối với Nhà máy Xi măng Hệ Dưỡng đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu bố trí mỏ đá vôi với diện tích khoảng 10ha cho giai đoạn đầu.

- Nghiên cứu bố trí vùng nguyên liệu đá vôi tại khu vực xã Quang Sơn của Thị xã Tam Điệp và xã Phú Long của huyện Nho Quan, đảm bảo cho hai nhà máy trên hoạt động ổn định theo dự án đã được phê duyệt, để bảo vệ cảnh quan, sinh thái khu Quần thể danh thắng Tràng An.

1.3. Cơ sở hạ tầng đảm bảo cho sản xuất kinh doanh xi măng và vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình:

Nghiên cứu, huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng tuyến giao thông chuyên dùng để đảm bảo cho các phương tiện vận tải vận chuyển nguyên liệu đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho các nhà máy xi măng, đồng thời phục vụ cho vận chuyển các loại vật liệu xây dựng khác đến chân công trình nhằm giảm mật độ xe trên tuyến Quốc lộ 1A và giảm thiểu tác động môi trường đến các khu dân cư, đô thị theo tuyến Quốc lộ.

2. Vật liệu xây:

Sản lượng: Đến năm 2015 đạt 873 triệu viên QTC/năm; đến năm 2020 đạt 1091 triệu viên QTC/năm.

2.1. Vật liệu xây (Gạch đất sét nung):

Tiếp tục quy hoạch và duy trì hoạt động của 26 dự án sản xuất gạch nung giai đoạn 2015-2020, công suất 655 triệu viên QTC/năm. Không quy hoạch, không đầu tư thêm các dự án gạch nung mới sử dụng đất nông nghiệp và không bố trí bổ sung vùng nguyên liệu cho các dự án đang hoạt động. Các dự án đã được cấp vùng nguyên liệu phải hoàn chỉnh thủ tục về cấp phép khai thác mỏ theo luật định và tự chuyển đổi sản xuất sang vật liệu xây không nung khi hết nguyên liệu được cấp.

2.2. Vật liệu xây không nung:

Thực hiện theo Quyết định số 567/QĐ/TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến 2020: Đến 2015 thay thế 25% gạch nung và đến 2020 thay thế 40% gạch nung.

- Quy hoạch đến năm 2015: Tổng sản lượng gạch không nung là 218 triệu viên QTC/năm, trong đó:

+ Đầu tư mới dây chuyền sản xuất gạch không nung xi măng - cốt liệu đá mịn tại các mỏ đá trong tỉnh để sử dụng triệt để nguồn đá mịn $d \leq 5\text{mm}$ (sản phẩm phụ trong sản xuất); mỗi mỏ 01 cơ sở sản xuất với công suất 1 triệu viên gạch Block/năm, tổng sản lượng là: $36 \times 1 \times 3 = 108$ triệu viên QTC/năm.

+ Đầu tư các cơ sở sản xuất vật liệu xây không nung tại các huyện Yên Mô, Gia Viễn, Yên Khánh, Kim Sơn, Hoa Lư, Nho Quan và Tam Điệp trên cơ sở nâng cấp các cơ sở đang sản xuất vật liệu không nung sử dụng đá mịn hoặc chất thải rắn từ các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, mỗi huyện 04 cơ sở với công suất 03 triệu viên QTC/năm; tổng sản lượng là 84 triệu viên QTC/năm.

+ Đầu tư nâng cấp các đơn vị đang sản xuất gạch Block bê tông bọt tại huyện Yên Mô và thị xã Tam Điệp để nâng công suất thêm 12.000 m³/năm (tương đương 13,0 triệu viên QTC/năm), đưa tổng công suất gạch Block nhẹ lên 24.000 m³/năm (tương đương 26 triệu viên QTC/năm)

- Quy hoạch đến năm 2020: Tổng sản lượng đạt 436 triệu viên QTC/năm, trong đó:
- + Giữ nguyên các cơ sở đã phát triển đến 2015, tổng công suất 218 triệu viên QTC/năm.
- + Đầu tư mới 02 cơ sở sản xuất gạch từ bê tông khí chưng áp (AAC) tại huyện Yên Mô và huyện Nho Quan, công suất mỗi cơ sở 100.000 m³/năm, tổng sản lượng là 200.000 m³/năm tương đương 218 triệu viên QTC/năm.

3. Đá xây dựng:

Nghiêm cấm khai thác và tổ chức khoanh nuôi bảo vệ các núi đá độc lập nhằm giữ gìn cảnh quan môi trường trên địa bàn tỉnh.

Duy trì quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đối với các mỏ đá đã được phê duyệt, không thuộc các vùng cấm, tạm cấm trên địa bàn tỉnh, đến năm 2020 không phát sinh các mỏ mới. Yêu cầu chủ đầu tư các mỏ đầu tư công nghệ khai thác theo hướng hiện đại, hiệu quả, đảm bảo các chỉ tiêu về môi trường. Thăm dò khai thác sâu xuống dưới cốt tự nhiên để tiết kiệm và tận thu khoáng sản. Các mỏ đã hết phép nằm trong quy hoạch nếu không đầu tư sản xuất thì thu hồi lại để cấp cho đơn vị khác có đủ năng lực để tiếp tục đầu tư phát triển sản xuất.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 67. Giai đoạn đến năm 2020 chỉ quy hoạch khai thác 53 mỏ đã được cấp phép khai thác và đã hoàn thành thủ tục đang trình cấp phép, tổng diện tích là 363,17 ha; tổng trữ lượng khoảng 151.317.000 m³; công suất khai thác 4.087.000 m³, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; cụ thể từng giai đoạn như sau:

- Quy hoạch đến năm 2015: Nhu cầu: (2,9÷3,0) triệu m³/năm. Quy hoạch khai thác 47 mỏ (06 mỏ đưa vào giai đoạn sau), tổng diện tích 287,8 ha, công suất khai thác 3,251 triệu m³, trong đó: Sản phẩm chính (80%) là 2,6 triệu m³; sản phẩm phụ (đá mặt d ≤ 5mm, 20%) là 30,65 triệu m³.
- Quy hoạch đến năm 2020: Nhu cầu (3,3÷3,5) triệu m³/năm. Quy hoạch khai thác 49 (04 mỏ hết trữ lượng hoặc hết hạn khai thác), với tổng diện tích 358,15 ha, công suất khai thác 3,96 triệu m³, trong đó: Sản phẩm chính (80%) là 3,17 triệu m³; sản phẩm phụ (đá mặt d ≤ 5mm, 20%) là 30,79 triệu m³.

4. Đất đá hỗn hợp (vật liệu san lấp):

Dự báo nhu cầu đất đá hỗn hợp san nền đến năm 2015 và 2020 từ 2,8 đến 3,0 triệu m³/năm. Theo thống kê, trên địa bàn tỉnh có 48 mỏ đất đá hỗn hợp san nền, trong đó 30 mỏ đã được cấp phép thăm dò, khai thác đang hoạt động với tổng diện tích 249,07ha; trữ lượng khoảng 65.779.171 m³; công suất khai thác 3,5 triệu m³/năm.

- Quy hoạch đến 2015: Khai thác 30 mỏ với tổng diện tích 249,07ha; tổng trữ lượng khoảng 65.779.171m³; công suất khai thác 3,0 triệu m³/năm.
- Quy hoạch đến 2020: Khai thác 25 mỏ với tổng diện tích 237,09ha; tổng trữ lượng 64.142.243m³; công suất khai thác 2,76 triệu m³/năm.

5. Vật liệu lọc:

Nhu cầu vật liệu lọc tỉnh Ninh Bình đến 2015 là 3,5 triệu m², đến năm 2020 là 4,5 triệu m² vừa đáp ứng nhu cầu trong tỉnh và cung cấp cho các tỉnh.

- Quy hoạch đến năm 2015: Đầu tư xây dựng 01 cơ sở sản xuất tấm lợp cao cấp công suất 1,5 triệu m²/năm dây chuyền công nghệ tiên tiến tại thị xã Tam Điệp và 04 cơ sở sản xuất tấm lợp kim loại ở thành phố Ninh Bình, Nho Quan, Tam Điệp và Yên Mô công suất 0,5 triệu m²/năm cho 01 cơ sở.

- Quy hoạch đến năm 2020: Duy trì các cơ sở sản xuất tấm lợp đã có từ năm 2015. Đầu tư thêm 02 cơ sở sản xuất tấm lợp kim loại 3 lớp, công suất mỗi cơ sở là 0,5 triệu m²/năm với công nghệ phun trực tiếp vật liệu cách nhiệt PU vào giữa lớp tôn và lớp màng PP/PVC thành một khối kín nên tấm lợp có độ bền, có khả năng cách âm, cách nhiệt cao, có tính chống cháy tốt; địa điểm đặt tại Kim Sơn và Gia Viễn.

6. Thép xây dựng:

Quy hoạch đến năm 2015 và đến năm 2020: Năng lực sản xuất đạt 01 triệu tấn phôi thép vuông/năm và 870 tấn thép cán/năm; phục vụ cho nhu cầu trong và ngoài tỉnh, xuất khẩu; trong đó:

- Xí nghiệp cán thép - Công ty Cổ phần Bê tông thép Ninh Bình: 10.000 tấn thép cán/năm.

- Nhà máy luyện cán thép chất lượng cao tại Khu công nghiệp Khánh Phú: 1.000.000 tấn phôi thép/năm; thép cán hợp kim dự ứng lực 500.000 tấn/năm.

- Nhà máy cán thép chất lượng cao tại Khu công nghiệp Tam Điệp: 360.000 tấn thép cán/năm.

7. Bê tông cấu kiện và bê tông thương phẩm:

Quy hoạch đến năm 2015 và đến năm 2020: Gồm 14 cơ sở sản xuất với tổng công suất đạt 140.000 m³/năm; trong đó: Thành phố Ninh Bình có 05 cơ sở, thị xã Tam Điệp có 02 cơ sở, huyện Kim Sơn có 02 cơ sở, các huyện còn lại (Gia Viễn, Nho Quan, Yên Mô, Yên Khánh và Hoa Lư), mỗi huyện có 01 cơ sở.

8. Sản xuất vôi công nghiệp:

Quy hoạch đến năm 2015 và đến năm 2020: Gồm 26 cơ sở với 52 lò nung vôi liên hoàn, tổng sản lượng 208.000 tấn/năm; sử dụng lò nung vôi liên hoàn 20 tấn/ngày đêm (cơ khí hóa trung bình) sản xuất 200 ngày/năm. Trong đó:

- Thị xã Tam Điệp: 06 cơ sở với 12 lò nung vôi liên hoàn, công suất 48.000 tấn/năm; tại các khu vực: Lòng Lan xã Đông Sơn, thung Đông Quân phường Nam Sơn và xã Quang Sơn.

- Huyện Yên Mô: 06 cơ sở với 12 lò nung liên hoàn, tổng công suất 48.000 tấn/năm; tại các xã Mai Sơn, Khánh Thượng và Yên Thành.

- Huyện Kim Sơn: 01 cơ sở với 02 lò nung liên hoàn, công suất 8.000 tấn/năm; tại xã Lai Thành.

- Huyện Hoa Lư: 02 cơ sở với 04 lò nung liên hoàn, tổng công suất 16.000 tấn/năm; tại xã Ninh Vân.

- Huyện Yên Khánh: 02 cơ sở với 04 lò nung liên hoàn, công suất 16.000 tấn/năm; tại xã Khánh Hòa và xã Khánh An.

- Huyện Nho Quan: 06 cơ sở với 12 lò nung liên hoàn, công suất 48.000 tấn/năm; tại các xã: Gia Tường, Đức Long và Xích Thổ.

- Huyện Gia Viễn: 03 cơ sở với 06 lò nung liên hoàn, công suất 24.000 tấn/năm; tại khu vực xã Gia Thanh.

9. Cơ sở chế biến khoáng sản (sản xuất bột đá Canxit, Đôlômít, bột bả tường, vữa xây dựng)

Quy hoạch đến năm 2015 và đến năm 2020: 05 cơ sở với tổng sản lượng 150.000 tấn/năm, trong đó:

- Thị xã Tam Điệp: 04 cơ sở, tổng sản lượng 120.000 tấn/năm
- Huyện Gia Viễn: 01 cơ sở sản xuất, sản lượng 30.000 tấn/năm

10. Sản xuất Gỗ ván ép:

Quy hoạch đến năm 2015 và đến năm 2020: Gồm 02 nhà máy, công suất mỗi nhà máy 50.000 m²/năm, tổng công suất là 100.000 m²/năm, trong đó:

- 01 nhà máy tại Khu công nghiệp Tam Điệp, nguyên liệu thu mua tại khu vực thị xã Tam Điệp và tỉnh Thanh Hóa.
- 01 nhà máy tại khu vực xã Sơn Lai, huyện Nho Quan, nguyên liệu thu mua tại khu vực huyện Nho Quan và các tỉnh Hòa Bình, Thanh Hóa.

11. Kính xây dựng:

Quy hoạch 01 nhà máy sản xuất tại Khu công nghiệp Khánh Phú, công suất 4,0 triệu m²/năm.

12. Gạch ốp lát:

- Quy hoạch đến 2015: Đầu tư xây dựng 02 cơ sở sản xuất với tổng công suất 200.000m²/năm tại Khu công nghiệp Tam Điệp, trong đó:

+ 01 cơ sở sản xuất các sản phẩm gạch lát ngoài trời chất lượng cao, công suất 150.000m²/năm; sử dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến.

+ 01 dây chuyền sản xuất gạch lát bê tông màu (các loại gạch lát vỉa hè) chất lượng cao, công suất 50.000m²/năm; sử dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến.

- Quy hoạch đến 2020: Đầu tư xây dựng thêm 02 cơ sở sản xuất gạch lát bê tông màu, sản xuất các loại gạch lát vỉa hè chất lượng cao tại huyện Nho Quan và huyện Kim Sơn, công suất mỗi cơ sở là 50.000m²/năm. Tổng năng lực sản xuất đạt 300.000 m²/năm.

13. Đá ốp lát:

- Quy hoạch đến 2015: Gồm 02 cơ sở tại khu vực Làng đá mỹ nghệ Ninh Vân, huyện Hoa Lư và khu vực thị xã Tam Điệp, tổng công suất là 100.000 m²/năm, dây chuyền công nghệ, thiết bị tiên tiến; nguyên liệu: Khai thác tại chỗ (sử dụng công nghệ khai thác theo chiều sâu) và mua từ tỉnh các Thanh Hóa, Nghệ An.

- Quy hoạch đến 2020: Đầu tư thêm 01 dây chuyền đá xẻ ốp lát tại khu vực xã Gia Tường, huyện Nho Quan, công suất 50.000 m²/năm, sử dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến; nguyên liệu: Khai thác tại chỗ (sử dụng công nghệ khai thác theo chiều sâu) và mua từ các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An. Tổng năng lực sản xuất đạt 150.000 m²/năm.

14. Tấm nhựa ốp trần và tường:

Giai đoạn 2015-2020 đầu tư 02 cơ sở, công suất mỗi cơ sở là 360.000 m²/năm, tại thị xã Tam Điệp và huyện Nho Quan; công nghệ, thiết bị tiên tiến, nguyên liệu nhập ngoại.

15. Tấm ốp hợp kim nhôm Composite:

Dự kiến giai đoạn 2016-2020 đầu tư tại Khu công nghiệp Tam Điệp, công suất 2.000.000 m²/năm; công nghệ, thiết bị tiên tiến, nguyên liệu nhập ngoại.

16. Tổ chức kinh doanh vật liệu xây dựng tập trung:

Định hướng: Đặt ở gần các nút giao thông thủy, bộ đặc biệt theo các tuyến sông trong tỉnh để thuận tiện cho việc vận chuyển; mỗi điểm từ (3÷5)ha, không sử dụng đất lúa, đất canh tác mà sử dụng là đất hoang hóa, bãi sông, đất chưa sử dụng. Các loại vật liệu kinh doanh gồm: luồng, tre, lúa, cát, gạch ngói, xi măng, than, củi,...

Căn cứ vào thực tế, số điểm kinh doanh do chính quyền các địa phương xác định và bố trí một cách phù hợp, đảm bảo cảnh quan, môi trường, thuận tiện trong hoạt động và quản lý. Dự kiến một số khu vực bố trí điểm kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh:

- Thành phố Ninh Bình: Khu vực cầu Yên, xã Ninh Phong; khu vực giáp đê sông Vạc, sông Đáy, sông Vân.

- Thị xã Tam Điệp: Khu vực cầu Ghềnh, cầu Do, bãi sông bên Đàng; các khu vực xa dân cư, các bãi ven núi đá tại phường Nam Sơn, các xã: xã Quang Sơn, Đông Sơn, Yên Sơn, Yên Bình.

- Huyện Yên Mô: Khu vực cầu Tu, sông Tu, cầu Liên trì, cầu Yên Thổ, cầu Tràng, cầu Rào, cầu Lồng, cầu Yên Phú, cầu Bút, cầu Nuồn, cầu Phương Nại, cầu Lộc, cầu Hội, đò Vạc...

- Huyện Yên Khánh: Khu vực sông Đáy, sông Vạc, sông Mới, cầu Khương thượng, cầu Rào, cầu Tràng,...

- Huyện Kim Sơn: Khu vực dọc sông Ân ngoài thị trấn, tuyến sông Cà Mâu, sông Càn, khu vực thị trấn Bình Minh,...

- Huyện Hoa Lư: Khu vực sông Đáy, sông Chanh, sông Vạc, sông Hoàng Long, cầu Gián, cầu Ninh Hòa, cầu Yên,...

- Huyện Gia Viễn: Khu vực tuyến sông Đáy, sông Hoàng Long, cầu Đé, cầu Gián, cầu Khuất,...

- Huyện Nho Quan: Khu vực sông Hoàng Long, sông Lạng, sông Bôi, sông Bên Đàng, cầu Đé, cầu Na, cầu Xui, cầu Bên nhảy, cầu Rịa, cầu Vĩnh Khương,.... Các bãi thuộc các khu vực xã miền núi.

17. Gốm, sứ: Phục hồi sản xuất gốm, sứ dân dụng truyền thống tại khu vực xã Gia Thủy, Gia Sơn huyện Nho Quan; sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ.

18. Đá mỹ nghệ: Duy trì và phát triển sản xuất đá mỹ nghệ tại xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư và các địa phương khác (như: thị xã Tam Điệp, huyện Nho Quan v.v...). Sử dụng nguồn nguyên liệu từ các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và một phần tận thu từ các mỏ đá ($\leq 5\%$) đá khối tại các mỏ đá khu vực Núi Mã Vôi xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư và núi Thung Chuông xã Đức Long huyện Nho Quan.

III. Định hướng phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2030

1. Về xi măng:

Thống nhất thực hiện theo Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29/8/2011, trong đó duy trì sản lượng 13,06 triệu tấn/năm như năm 2020.

2. Về vật liệu xây, đá xây dựng, các loại VLXD khác:

2.1. Gạch đất sét nung:

Đến năm 2030, hầu hết các dự án sản xuất sản phẩm gạch đất sét nung không còn nguyên liệu để sản xuất. Các nhà máy sản xuất gạch nung chuyển đổi sang sản xuất vật liệu xây không nung và các sản phẩm vật liệu xây dựng khác.

2.2. Vật liệu xây không nung:

Đến năm 2030, vật liệu xây sử dụng chủ yếu là vật liệu xây không nung. Sản lượng đạt như năm 2020. Sản phẩm chủ yếu là gạch xi măng cốt liệu, gạch từ bê tông bọt, bê tông khí chưng áp AAC với dây chuyền công nghệ, thiết bị sản xuất tiên tiến.

2.3. Đá xây dựng:

Đến năm 2030 có 13 mỏ hết trữ lượng, còn lại 40 mỏ, trong đó có nhiều mỏ trữ lượng lớn nâng cao công suất để thay thế 13 mỏ đã hết trữ lượng, đảm bảo duy trì sản lượng như 2020, đồng thời tính toán, huy động bổ sung thêm 14 mỏ mới đã có trong quy hoạch, đang hoàn thiện thủ tục (không bổ sung thêm quy hoạch). Nghiêm cấm việc khai thác các núi đá độc lập như những non bộ trên địa bàn toàn tỉnh để giữ gìn cảnh quan tự nhiên, môi trường sinh thái.

Yêu cầu: Sử dụng trang thiết bị khai thác hiện đại, hiệu quả, ít gây ô nhiễm môi trường; các mỏ đã đưa vào quy hoạch đến 2020 và định hướng đến năm 2030 nếu không còn trữ lượng theo kết quả thăm dò lộ thiên cần tính toán thăm dò, khai thác theo chiều sâu để tận thu khoáng sản hạn chế tối đa mở rộng khai thác lộ thiên để tham gia bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, phát triển bền vững, hạn chế ảnh hưởng đến phát triển du lịch.

2.4. Đất đá hỗn hợp san nền:

Duy trì các mỏ đã đưa vào quy hoạch đến năm 2020 đồng thời đưa vào khai thác các mỏ đã được cấp phép thăm dò, cấp phép khai thác hiện nay chưa thực hiện.

2.5. Các sản phẩm vật liệu xây dựng khác:

Duy trì và phát triển như năm 2020. Đồng thời căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh các thời kỳ để xem xét điều chỉnh phù hợp với sự tăng trưởng theo định hướng tập trung vào mở rộng sản xuất, đầu tư chiều sâu áp dụng công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng hiệu quả.

Đối với vật liệu lọc: Nâng cấp 02 cơ sở tấm lọc kim loại sang sản xuất tấm lọc kim loại 03 lớp.

IV. Bảo vệ môi trường trong sản xuất vật liệu xây dựng

Yêu cầu các doanh nghiệp đầu tư khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng phải từng bước xóa bỏ toàn bộ công nghệ, thiết bị sản xuất lạc hậu, tiêu tốn nhiên liệu và gây ô nhiễm môi trường. Các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng mới đầu tư phải lựa chọn công nghệ tiên tiến và hướng bố trí vào các khu, cụm công nghiệp để có phương án xử lý môi trường tập trung, đồng bộ.

- Sản xuất xi măng: Xóa bỏ công nghệ xi măng lò đứng vào năm 2015, các cơ sở đầu tư mới trên địa bàn tỉnh công nghệ xi măng lò quay phải chấp hành nghiêm túc báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Sản xuất gạch nung: Hiện trên địa bàn tỉnh chỉ còn 02 loại công nghệ là lò Tuynel và lò đứng nung gạch liên tục hiệu suất cao VSBK. Việc sản xuất phải đảm bảo tiêu chuẩn về chất lượng

không khí xung quanh (TCVN 5937:2005); tiêu chuẩn về nồng độ tối đa cho phép của một số chất độc hại trong không khí xung quanh (TCVN 5939:2005); Tiêu chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ (TCVN 5939:2005) và các tiêu chuẩn khác có liên quan.

- Khai thác chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường: Các đơn vị khai thác phải thực hiện nghiêm túc các quy định trong luật khoáng sản, luật bảo vệ môi trường, các nghị định của Chính phủ, các văn bản pháp quy về đầu tư phát triển sản xuất, các quy trình quy phạm tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trong sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng. Ngoài ra, các đơn vị khai thác còn phải thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái, đảm bảo an toàn các công trình xây dựng cơ bản, giao thông, thủy lợi, đê điều, công trình xây dựng dân dụng công nghiệp, tham gia bảo vệ cảnh quan, phát triển kinh tế xã hội bền vững.

- Sản xuất các loại vật liệu mới: Đầu tư các cơ sở có quy mô vừa và lớn, công nghệ tiên tiến, thân thiện và không gây ô nhiễm môi trường, như: Sản xuất gạch lát Terazzo, gạch lát cao cấp, đá xẻ ốp lát, tấm nhựa ốp trần và tường tấm ốp hợp kim nhôm Composite, gỗ ván ép,...

V. Các giải pháp chủ yếu để thực hiện quy hoạch

1. Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư:

Phát huy tối đa các nguồn nội lực và huy động các nguồn lực từ bên ngoài, đa dạng hóa các hình thức huy động vốn; tranh thủ tối đa nguồn vốn từ ngân sách Trung ương hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng công trình cấp thoát nước, mở rộng mạng lưới giao thông, mạng lưới điện... phục vụ cho khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng.

2. Chuẩn bị các điều kiện để kêu gọi đầu tư và điều tra cơ bản:

Chủ động thông báo danh mục các dự án cần kêu gọi đầu tư, tổ chức thăm dò đánh giá tài nguyên, khoáng sản; lựa chọn địa điểm phù hợp cho các dự án sản xuất vật liệu xây dựng theo quy hoạch; có cơ chế hỗ trợ các nhà đầu tư như: Đơn giản hóa thủ tục; xem xét, hỗ trợ phù hợp về giải phóng mặt bằng, đầu tư ngoài hàng rào như giao thông, điện, ưu đãi đầu tư theo quy định của Nhà nước. Tích cực công tác xúc tiến đầu tư để tìm các nhà đầu tư có năng lực. Chỉ đạo các đơn vị đang sản xuất vật liệu xây dựng chủ động tìm kiếm, khảo sát thăm dò bổ sung các nguồn nguyên liệu đang được khai thác sử dụng để đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất.

Chú trọng việc xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là việc nâng cấp các tuyến đường giao thông, điện lưới vào các khu mỏ khoáng sản, đường cho các khu công nghiệp, các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng và các bến bãi tập kết vật liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư khai thác tài nguyên và phát triển sản xuất.

3. Phát triển nguồn nhân lực kết hợp với phát triển khoa học công nghệ:

Khuyến khích phát triển tài năng trẻ, sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật hiện có, bao gồm cả việc tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển. Xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi để thu hút các cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ chuyên môn cao và lực lượng lao động có tay nghề giỏi từ các địa phương khác tới làm việc; đồng thời có chính sách khuyến khích, thu hút nhân lực là người địa phương.

Các hoạt động khoa học công nghệ trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng cần tập trung cải tiến các khâu cơ bản trong dây chuyền sản xuất, từng bước loại bỏ các thiết bị công nghệ lạc hậu, tiêu hao nhiều nguyên nhiên vật liệu và gây ô nhiễm môi trường, để chuyển đổi sang công nghệ tiên

tiến, hiện đại. Có chính sách phù hợp cho việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhất là sản xuất vật liệu xây dựng không nung.

4. Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước:

- Tổ chức phổ biến rộng rãi quy hoạch theo đúng quy định. Tổ chức triển khai thực hiện đúng theo quy hoạch được duyệt, nhất là việc cấp phép khai thác tài nguyên khoáng sản và đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, tình hình thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn và công tác bảo vệ cảnh quan môi trường để kịp thời phát hiện và xử lý các vi phạm theo quy định.
- Nghiên cứu, ban hành các cơ chế chính sách để khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng, đồng thời tăng cường công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, nghĩa vụ của các cơ sở sản xuất kinh doanh đối với xã hội và người tiêu dùng theo đúng quy định.
- Tăng cường đội ngũ cán bộ chuyên ngành quản lý về khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng có năng lực tại các cấp.
- Kiên quyết xóa bỏ các cơ sở sản xuất kém hiệu quả, gây ô nhiễm môi trường; đồng thời xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về đất đai, tài nguyên khoáng sản, môi trường theo quy định.
- Quản lý sản xuất vật liệu một cách tập trung và có sự phân cấp rõ ràng cho các cấp, các ngành quản lý chặt chẽ mọi hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng; trong đó, đơn vị đầu mối là Sở Xây dựng.

5. Hỗ trợ mở rộng phát triển thị trường:

Có chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng tăng cường hoạt động quảng bá sản phẩm thông qua việc tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế để tìm kiếm đối tác liên doanh, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng:

Thực hiện nhiệm vụ là cơ quan đầu mối, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan thực hiện các nội dung sau:

- Công bố công khai, phổ biến rộng rãi, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch này; hàng năm tổ chức đánh giá việc thực hiện quy hoạch, đề xuất các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các đơn vị hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định; đồng thời hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh thực hiện việc đăng ký, công bố hợp chuẩn, hợp quy, niêm yết giá các sản phẩm vật liệu xây dựng theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;

- Lập chương trình khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở chuyển đổi công nghệ sản xuất theo chủ trương của Chính phủ và hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện việc chuyển đổi theo yêu cầu;
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các tổ chức, cá nhân sản xuất và sử dụng các sản phẩm mới, các sản phẩm được khuyến khích sản xuất và sử dụng;
- Thẩm định về công nghệ các dự án đầu tư phát triển vật liệu xây dựng mới, tiên tiến, không gây ô nhiễm môi trường;
- Thường xuyên kiểm tra để nắm vững tình hình sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh theo yêu cầu.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan lập kế hoạch điều tra, thăm dò, khảo sát và đánh giá trữ lượng khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng, kịp thời công bố kết quả điều tra, thăm dò để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành vật liệu xây dựng;
- Tiếp nhận hồ sơ xin cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, tổ chức thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền cấp phép theo quy định;
- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ngành, địa phương có liên quan ban hành, công bố các tiêu chuẩn về môi trường trong sản xuất vật liệu xây dựng; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Là cơ quan đầu mối, tiếp nhận các dự án đầu tư về sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương có liên quan, thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư theo quy định (trừ các dự án trong các khu công nghiệp và các dự án đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã cấp giấy chứng nhận đầu tư);
- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh và các đơn vị có liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ chế hỗ trợ vốn có hiệu quả cho các dự án đầu tư về vật liệu xây dựng; xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ tạo điều kiện phát triển vật liệu không nung, chuyển đổi công nghệ sản xuất các vật liệu xây dựng phù hợp với thực tế của tỉnh;
- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, đánh giá tổng thể đầu tư các dự án về sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc xác nhận đầu tư.

5. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, đề xuất chính sách về thuế, phí khai thác tài nguyên trong đó có thuế, phí tài nguyên khai thác đất sét sản xuất gạch ngói nung.

6. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương có liên quan, thẩm tra, cấp giấy chứng nhận đầu tư và theo dõi, kiểm tra, đánh giá các dự án về sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Công thương:

- Theo chức năng nhiệm vụ, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về vật liệu nổ công nghiệp phục vụ cho khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh;
- Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại phù hợp giúp các doanh nghiệp khai thác thị trường trong và ngoài tỉnh; là cầu nối giúp các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh trong việc quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm đối tác và nắm bắt thông tin về công nghệ mới, sản phẩm mới.

8. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Đẩy mạnh các hoạt động khoa học công nghệ trong sản xuất vật liệu xây dựng theo hướng: Tiếp thu, ứng dụng công nghệ hiện đại, có nhiều tính ưu việt ở trong và ngoài nước, tổ chức thẩm định công nghệ, lựa chọn công nghệ sạch, công nghệ ít tiêu tốn nguyên liệu, nhiên liệu để thay thế các công nghệ lạc hậu trong sản xuất vật liệu xây dựng; từng bước loại trừ công nghệ cũ, công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường trong sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kêu gọi các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước chuyển giao và sử dụng công nghệ cao, hiện đại, thân thiện với môi trường trong sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu xây dựng không nung, đặc biệt là vật liệu xây;
- Phối hợp với Sở Xây dựng trong quá trình thẩm định về công nghệ các dự án đầu tư phát triển vật liệu xây dựng mới, tiên tiến, không gây ô nhiễm môi trường.

9. Sở Giao thông Vận tải:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã nghiên cứu, lập kế hoạch và thực hiện nâng cấp các tuyến giao thông tới các cơ sở khai thác, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng phù hợp với quy hoạch từng thời kỳ; kế hoạch đầu tư nâng cấp các cảng, hệ thống vận tải đường thủy và đường sắt phục vụ cho việc vận chuyển vật tư nguyên liệu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh lập và quản lý quy hoạch phát triển du lịch, bảo tồn di sản văn hóa, cảnh quan thiên nhiên, đảm bảo hài hòa giữa phát triển du lịch lâu dài và phát triển vật liệu xây dựng;
- Phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành chức năng liên quan kiểm tra, giám sát để kịp thời phát hiện và xử lý các hiện tượng vi phạm các vùng cấm, tạm cấm khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

11. Công an tỉnh:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình chủ trì hoặc phối hợp với các ngành, các cấp có liên quan đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội, quản lý vật liệu nổ công nghiệp, phòng chống cháy nổ, công tác môi trường,... trong lĩnh vực hoạt động khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh;

- Thường xuyên kiểm tra, nắm thông tin, điều tra phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

12. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương có liên quan bảo vệ quy hoạch khoanh vùng các khu vực quốc phòng, ngăn ngừa và xử lý kịp thời các hiện tượng vi phạm trong quá trình hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, thẩm tra, cấp giấy chứng nhận đầu tư và theo dõi, kiểm tra, đánh giá các dự án về sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Quản lý, chỉ đạo các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn theo đúng quy hoạch, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương;

- Kiểm tra, giám sát các đơn vị hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn trong việc thực hiện các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định;

- Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, môi trường, an toàn lao động, an ninh trật tự tại các khu vực có khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, chú trọng việc rà soát, kiểm tra việc sử dụng đất sét làm gạch ngói nung trên địa bàn;

- Thường xuyên theo dõi, thống kê, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện quy hoạch tại địa phương và định kỳ hàng quý báo cáo về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

14. Các doanh nghiệp, các nhà đầu tư:

- Thực hiện việc đầu tư khai thác, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng theo đúng quy hoạch, phải thường xuyên quan tâm tới việc bảo vệ môi trường và giảm thiểu tối đa ô nhiễm môi trường trong quá trình khai thác, sản xuất kinh doanh. Đối với các cơ sở khai thác tài nguyên, khoáng sản phải thực hiện hoàn nguyên môi trường hàng năm hoặc trong từng thời gian khai thác.

- Có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo yêu cầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

- Như điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (đề báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh và các PCVP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Website tỉnh;
- Lưu VT, VP4,2,3,5,8;
vv.06

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(đã ký)

Đinh Văn Điển

DUCTHANHGROUP.COM